

Bản án số: 82/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa :* Bà Đỗ Thị Ngọc Bích.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Văn Vô.

2. Bà Trần Thị Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 303/2019/HNST ngày 08 tháng 8 năm 2019, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H, sinh năm: 1989; Địa chỉ thường trú: 93/95 đường V, Phường Đ, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bị đơn: Ông K, sinh năm: 1991; Địa chỉ thường trú: 192/16/3B đường T, Phường C, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H (bà H) trình bày:*

Bà và ông K (ông K) tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 10 năm 2013. Quá trình chung sống, bà và ông K có 01 (một) người con chung tên VK (nam), sinh ngày 17/01/2018, hiện đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; bà và ông K không có tài sản chung vợ chồng và không có khoản nợ chung.

Bà và ông K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài từ năm 2018 cho đến nay. Nguyên nhân là do đôi bên không còn hợp nhau về cách sống, ông K thiếu trách

nhiệm với con cái và gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con, thường xuyên xúc phạm bà trong khoảng thời gian bà sinh và nuôi con nhỏ nên đôi bên đã rất nhiều lần tranh cãi, cuộc sống gia đình trở nên ngột ngạt, không còn hạnh phúc. Bà và con đã dọn ra nhà mẹ bà ở từ khi con chung được bốn tháng tuổi cho đến nay. Vợ chồng đã chính thức sống ly thân gần hai năm. Tháng 6 năm 2019, bà đã nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng do đôi bên chưa thống nhất được việc cấp dưỡng nuôi con chung nên bà đã rút đơn, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Từ thời điểm rút đơn đến nay vợ chồng bà cũng không hàn gắn được tình cảm. Nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có cơ hội hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Tại phiên tòa,

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Bị đơn là ông K đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Cụ thể, ông K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng sau:*

- Lần 01: Thông báo thụ lý vụ án số 332/2019/GB-TA ngày 08/8/2019; Thông báo số 303 ngày 08/8/2019 về việc gửi bản sao tài liệu chứng cứ cho nguyên đơn, bị đơn và Giấy triệu tập số 303 ngày 08/8/2019

- Lần 02: Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 148/QĐ-TĐNTHTT ngày 30/9/2019; Thông báo thu thập được tài liệu, chứng cứ số 303 ngày 16/9/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 303/TB-TA ngày 06/01/2020 và giấy triệu tập (tham dự phiên họp và hòa giải ngày 16/01/2020);

- Lần 3: Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 303/TB-TA ngày 03/02/2020 và giấy triệu tập (tham dự phiên họp và hòa giải ngày 20/02/2020);

- Lần 04: Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 303/TB-TA ngày 20/02/2020; Quyết định xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2020 và giấy triệu tập (tham dự phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 16/3/2020);

- Lần 05: Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2020 và giấy triệu tập (tham dự phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 08/4/2020);

- Lần 06: Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2020; Quyết định xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2020 và giấy triệu tập (tham dự phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 08/5/2020)

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Đ phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng

vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông K; giao người con chung tên VK (nam), sinh ngày 17/01/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông K do bà H không yêu cầu. Bà H khai không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Bà H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K. Ông K hiện đang cư trú tại số 192/16/3B đường T, Phường C, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông K.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2013, quyển số 01/2013 cấp ngày 30 tháng 10 năm 2013. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K là hợp pháp.

Xét sau khi kết hôn, bà H và ông K có thời gian chung sống tại gia đình chồng hạnh phúc, tuy nhiên, đến thời điểm bà H sinh người con chung là trẻ VK thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tại phiên tòa, bà H trình bày do bà không đi làm trong khoảng thời gian nuôi con nhỏ, không có thu nhập phụ giúp nuôi con nên ông K thường xuyên gây gổ, xúc phạm bà. Ông K không quan tâm chăm sóc cho bà và con cũng không chăm chỉ làm việc, chỉ sống bằng tiền của bố mẹ chồng chu cấp. Bà H đã nhiều lần nói chuyện với ông K để mong ông K thay đổi nhưng không có kết quả, vợ chồng chỉ thêm mâu thuẫn, cãi vã vì vậy bà đã ôm con về nhà Ngoại sinh sống từ khi trẻ mới bốn tháng tuổi cho đến nay. Từ khoảng tháng 5 năm 2018 đến nay, bà H và ông K sống ly thân.

Trong suốt khoảng thời gian bà H và con về nhà Ngoại sinh sống, ông K không đến thăm nom con cũng như không có ý định hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Bà H đã

từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng do bà và ông K không thống nhất được vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên bà H đã rút đơn và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 226/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2019. Từ thời điểm Tòa án ra quyết định chỉ đến nay, vợ chồng bà H ông K cũng không tìm thấy tiếng nói chung, không hàn gắn được mối quan hệ vợ chồng. Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án làm việc nhưng không có mặt trong suốt quá trình tố tụng chứng tỏ ông K không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét nền tảng hôn nhân được xây dựng dựa trên tình cảm vợ chồng, sự tôn trọng và sự tin tưởng lẫn nhau. Đối với cuộc hôn nhân này, bà H và con chung đã chưa được ông K quan tâm, chăm sóc; không được tôn trọng; cũng như việc bà H không còn tin tưởng ông K sẽ mang lại hạnh phúc cho bà và con. Hôn nhân giữa bà H và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà H được ly hôn với ông K là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Xét từ khi bà H sống ly thân với ông K, bà H vẫn chăm sóc tốt cho trẻ VK. Trẻ VK hiện dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, Hội đồng xét thấy việc giao người con chung tên VK (nam), sinh ngày 17/01/2018 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của bà H đối với phần này.

Bà H hiện chưa yêu cầu ông K cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3.3] Về tài sản chung: Bà H khai không có tài sản chung. Ông K không có ý kiến về vấn đề này nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà H khai không có nợ chung đối với cá nhân hay tổ chức khác. Ông K không có ý kiến về vấn đề này nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Giao người con chung tên VK (nam), sinh ngày 17/01/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông K do bà H không yêu cầu.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà H khai không có tài sản chung. Ông K không có ý kiến về vấn đề này nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H khai không có nợ chung đối với cá nhân hay tổ chức khác. Ông K không có ý kiến về vấn đề này nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**2. Về án phí:** Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà H chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0035360 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí theo đúng quy định pháp luật.

**3. Về quyền kháng cáo:**

Bà H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Quận Đ;
- Chi cục THADS Quận Đ;
- UBND Phường 3, Quận 5 (Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2013, quyền số 01/2013 do UBND Phường C, Quận 5 cấp ngày 30/10/2013);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Ngọc Bích**

